

# NHỮNG CHUYỂN BIẾN KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC VÀO CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG

*Khoa Sử- Trường Đại học Vinh*

Vào cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, Trung Quốc đang ở trong thời kỳ cuối của chế độ phong kiến chuyên chế. Tính chất của nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc hầu như chi phối toàn bộ nền kinh tế. Trong khi đó, ở các quốc gia phong kiến châu Âu, giai cấp tư sản đã và đang liên tục bước lên vũ đài chính trị, rồi "xâm lấn khắp hoàn cầu...và thiết lập mối dây liên hệ ở khắp nơi" <sup>(1)</sup>. Có nghĩa là, làn sóng toàn cầu hoá đã bắt đầu và những nước thức thời đã hội nhập, thế nhưng Trung Quốc vẫn bảo thủ, "đóng cửa", do đó đã trở thành một nguyên cơ lịch sử cho sự lạc hậu và cuối cùng bị nô dịch. Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân vào Trung Quốc từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử Trung Quốc,

giai đoạn có sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc mang những đặc trưng không giống một thời đại nào trước đó.

1. Không lâu sau những phát kiến địa lý, các nước châu Âu bắt đầu xâm nhập Trung Quốc. Tuy vậy, cho đến đầu thế kỷ XVIII, những sự xâm nhập ấy đều không đạt kết quả khả quan. Từ năm 1840 trở đi, các nước đế quốc tích cực phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Mở đầu là các cuộc Chiến tranh Thuốc phiện, tiếp đến là hàng loạt các cuộc chiến tranh xâm lược vào các vùng biên cương của Trung Quốc, rồi cuộc Chiến tranh Giáp Ngọ v.v... Qua đó, hàng loạt hiệp ước bất bình đẳng được ký kết. Sau khi tạo được áp lực đối với Trung Quốc, các nước đế quốc tiến hành xây dựng những căn cứ vững chắc và lâu dài, đua nhau lập tô giới ở hầu khắp các

thành phố lớn của Trung Quốc. Những phạm vi thế lực này ngày càng được mở rộng và trở thành cứ điểm làm bàn đạp để họ đẩy mạnh các hoạt động xâm nhập vào Trung Quốc.

Như vậy, bằng vũ lực quân sự, các nước đế quốc nhanh chóng mở rộng dần cánh cửa vốn đóng kín của Trung Quốc. Theo đó, kinh tế tư bản chủ nghĩa xâm nhập với tốc độ ngày càng nhanh chóng vào Trung Quốc. Hàng hóa của ngoại quốc từ phía Nam tràn lên phía Bắc và tiến sâu vào lục địa.

Bên cạnh việc xuất khẩu hàng hóa, họ còn du nhập, xây dựng những cơ sở công nghiệp hiện đại ở Trung Quốc. Việc tư bản ngoại quốc đầu tư rầm rộ vào Trung Quốc đã trở thành điểm nổi bật ở thời kỳ từ sau Chiến tranh Giáp Ngọ (1894-1895) trở đi. Do đó, số tư bản nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc tăng lên nhanh chóng: nếu từ sau năm 1840 đến năm 1902, số tư bản đầu tư là 788 triệu đô la, thì đến cuối năm 1914 đã tăng lên gấp hơn hai lần <sup>(2)</sup>.

Đồng thời với những hoạt động về quân sự, chính trị, kinh tế, các nước thực dân cũng rất tích cực trong việc xâm nhập văn hóa, giáo dục, y tế. Trong lúc chính quyền Mãn Thanh cấm không cho người Trung Quốc mở tòa soạn báo thì người phương Tây mở nó ở khắp các thành phố lớn của Trung Quốc và mời người Trung Quốc làm chủ bút. Ngoài ra, các hội truyền giáo, trường dòng và

các trung tâm y tế được mở ra khắp nơi. Nhiều nước còn cử các giáo sư sang Trung Quốc mở mang trường học, giảng dạy và nhận đưa người Trung Quốc đến nước mình đào tạo. Văn minh phương Tây vì thế được giới thiệu, truyền bá đến đông đảo quần chúng.

Chủ nghĩa thực dân tiến hành xâm nhập vào Trung Quốc thông qua hàng loạt các cuộc chiến tranh xâm lược, hiệp ước bất bình đẳng, những hoạt động văn hóa, giáo dục và nhất là các hình thức đầu tư kinh tế, cho nên tác động của nó đối với Trung Quốc được quy định bởi tất cả sức mạnh trên. Vì thế, những nhân tố mới được du nhập "cưỡng ép" vào Trung Quốc đã tạo nên những chuyển biến quan trọng ở Trung Quốc, trước hết là những chuyển biến trong các ngành kinh tế.

**2.** Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, bức tranh kinh tế của Trung Quốc đã có những nét mới. Đó là sự chuyển biến, thay đổi trong những ngành kinh tế cũ của xã hội phong kiến và các hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa hiện đại xuất hiện, phát triển dưới ảnh hưởng trực tiếp của bên ngoài.

Khi ấy, với sự du nhập ngày càng nhiều các nhân tố kinh tế tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế tự nhiên của Trung Quốc dần bị giải thể. Biểu hiện trước hết ở sự phân hóa một cơ sở hình thái kinh tế cơ bản, hết sức trì trệ - đó là sự kết

hợp giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp ở nông thôn. Trong nông nghiệp đã diễn ra sự sụp đổ của những nền tảng kinh tế cũ, sự thay đổi trong chính sách bóc lột của địa chủ đối với nông dân, thay đổi trong các hình thức lĩnh canh và sự tan rã nhanh chóng của các loại đất công thời trung cổ. Cùng với quá trình ấy là những thay đổi với việc tăng cường các xu thế mới.

Trước Chiến tranh Thuộc phiện, ở một số vùng nông thôn thuộc các tỉnh ven biển Trung Quốc có tồn tại sản xuất hàng hóa, lao động làm thuê. Tuy vậy, cho đến giữa thế kỷ XIX, mức độ phát triển hàng hóa và việc sử dụng lao động làm thuê trong nông nghiệp vẫn còn rất ít ỏi. Đến giai đoạn này, các quá trình kinh tế - xã hội ấy đã phát triển rõ rệt. Hơn nữa, sự xâm nhập của kinh tế tư bản chủ nghĩa đã từng bước đưa Trung Quốc đi vào quỹ đạo thương mại quốc tế. Do đó, sản xuất nông nghiệp hàng hóa được kích thích phát triển: "Đây là thời kỳ phổ biến mạnh mẽ nhất chưa từng thấy về nhiều loại cây công nghiệp: bông, dâu, chè, đậu tương, thuốc phiện, thuốc lá, lạc, vừng và nhiều loại cây có dầu khác" <sup>(3)</sup>. Sự chuyên môn hóa với việc hình thành các khu chuyên canh của nông nghiệp hàng hóa và xu hướng tăng cường gieo trồng các loại cây hàng hóa quan trọng nhất cũng xuất hiện. Vì thế, đặc điểm nổi bật của nông nghiệp thời kỳ này là kinh tế địa chủ tư nhân bị lôi

cuốn vào kinh tế hàng hóa. Các địa chủ tích cực ràng buộc nông dân vào việc sản xuất nông phẩm cho thị trường và trồng các loại cây có lợi hơn. Việc sản xuất và tiêu thụ đều mang tính chất hàng hóa. Rõ ràng, hình thái kinh tế tiểu hàng hóa đã phát triển hơn nhiều so với giai đoạn trước. Theo đó, lực lượng lao động làm thuê trong nông nghiệp tăng lên đáng kể, nhất là ở các khu vực nông nghiệp hàng hóa.

Rõ ràng, nền kinh tế tự nhiên từ đơn điệu dần dần đã đa dạng và nhận nhịp về hình thức sản xuất hàng hóa. Kỹ thuật sản xuất có bước phát triển và sự phân hóa kinh tế giữa nông dân được đẩy mạnh. Quá trình chuyên canh diễn ra trong từng tỉnh cũng phá dần sự trì trệ, bó hẹp của chế độ cũ. Tuy nhiên, việc đi vào quỹ đạo thương mại quốc tế với những quy luật khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường cũng đã bộc lộ những mặt tiêu cực của nó, đó là các cuộc khủng hoảng tiêu thụ ở một số mặt hàng nông phẩm trong từng thời điểm nhất định.

Bên cạnh nông nghiệp, từ giữa thế kỷ XIX, sự phát triển tự thân của các nghề thủ công ở nông thôn và thành thị Trung Quốc đã bị phá vỡ và thiết chế lại bởi sự can thiệp của các yếu tố bên ngoài. Những nghề thủ công mang hình thức kinh tế trung cổ nhanh chóng sụp đổ. Trên cơ sở đó có sự ra đời, phát triển của những nghề mới mà ngay từ đầu đã được

tổ chức theo phương thức tư bản chủ nghĩa và sự phục hồi của những nghề cũ trên cơ sở kỹ thuật, nguyên liệu, cách thức hoạt động theo lối mới. Hiện tượng bao thầu sản phẩm đến từng hộ thủ công làm thuê, sự xuất hiện các công trường thủ công tư bản hay trong lòng các công trường cũ có sự ra đời, lớn mạnh của những quan hệ tư bản đã trở nên phổ biến.

Ở nông thôn, sự tách rời nghề thủ công khỏi nghề nông và quá trình phân hóa tiếp theo diễn ra rất rõ rệt. Việc sử dụng nguyên liệu mới và những tiến triển, mà khuynh hướng chủ yếu là nghề thủ công của nông dân chuyển thành kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa. Ở một mức độ nào đó, điều này đã kéo các nghề thủ công nông thôn gắn với trình độ của các nghề thủ công thành thị. Kỹ thuật thủ công vì thế mà có những tiến bộ nhất định. Ngoài việc cải tiến các loại máy trước đây, người ta đã sử dụng máy dệt dậm chân có trục kim khí của Nhật. Trong khâu ươm tơ, bắt đầu chuyển từ máy gỗ cầm tay sang máy kim loại dậm chân. Máy cán bông kim loại cũng được sử dụng rộng rãi.

Trong giai đoạn này, thủ công nghiệp tương đối phát triển. Sản phẩm thủ công nghiệp xuất khẩu của Trung Quốc tăng một cách có hệ thống: từ năm 1875 đến những năm 20 của thế kỷ XX, trung bình tăng 2,6% / năm <sup>(4)</sup>.

Tuy vậy, sự tồn tại của nền tảng phong kiến, mặc dù tính chất xã hội đã thay đổi nhưng vẫn còn phát huy được tác dụng to lớn của nó. Sản xuất nông nghiệp tuy đã hướng ra thị trường, nhưng cái cơ bản nhất là quan hệ chiếm hữu ruộng đất, quan hệ bóc lột phong kiến vẫn còn giữ giá trị. Ngoài ra, trong nhiều vùng còn tồn tại nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên, cho nên, ở đây, nếu có cũng mới chỉ xuất hiện một số hình thức của kinh tế hàng hóa. Tương tự, đối với thủ công nghiệp tuy có chuyển biến sâu sắc, mạnh mẽ hơn nhiều so với nông nghiệp thì vẫn nổi lên sự yếu kém và không vững chắc. Quá trình chuyển biến từ hình thức thấp lên hình thức cao diễn ra chậm chạp và không đồng đều mà chậm dần về phía Bắc và Tây Bắc của đất nước.

Trong lĩnh vực công nghiệp, cùng với việc các nước tư bản xây dựng những cơ sở công nghiệp hiện đại trên đất Trung Quốc, nhất là trong thời kỳ họ tăng cường xuất khẩu tư bản vào Trung Quốc, công nghiệp của tư bản dân tộc Trung Quốc đã ra đời. Và như Lênin nói: "Việc xuất khẩu tư bản ảnh hưởng đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển đó trong những nước đã được đầu tư <sup>(5)</sup>. Đó chính là sự tăng lên về số lượng nhà máy và nguồn vốn được đầu tư. Nếu trước Chiến tranh Giáp Ngọ (1894-1895), tư sản dân tộc Trung Quốc mới chỉ có 108 xí nghiệp thì đến thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ

nhất, con số đó đã tăng lên 1.759 xí nghiệp<sup>(6)</sup>.

Những công xưởng của tư bản dân tộc Trung Quốc đã xuất hiện, phát triển dưới tác động trực tiếp từ các nước tiên tiến, song quá trình ấy lại không diễn ra trên cơ sở xoá bỏ mọi yếu tố lạc hậu của phong kiến mà có sự thích nghi, hòa trộn giữa cũ và mới. Vì thế, người ta thường nói đến tính chất què quặt, sự yếu đuối và mất cân đối, việc phát triển và phân bố không hợp lý của ngành công nghiệp Trung Quốc thời kỳ này.

Cùng với những chuyển biến trên, ngành thương nghiệp của Trung Quốc cũng đã có sự thay đổi. Thị trường nội địa được mở rộng hơn bao giờ hết. Các mối quan hệ kinh tế, sự trao đổi sản phẩm giữa khu vực nông thôn với thành thị và giữa các tỉnh đều phát triển, làm xuất hiện khuynh hướng tập trung thị trường. Đồng thời, buôn bán giữa Trung Quốc với các nước bên ngoài được mở rộng. Trong giao dịch trao đổi, bắt đầu chuyển từ độc quyền phong kiến sang cạnh tranh tự do, từ kinh doanh hướng nội sang kinh doanh hướng ngoại với việc tiếp nhận mô hình kinh doanh của phương Tây... Song song với những chuyển biến tích cực đó, cán cân thương mại bất lợi đã chuyển hướng về phía Trung Quốc: "Trước năm 1830, khi cán cân thương mại có lợi cho người Trung Quốc thì bạc từ Ấn Độ, Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không ngừng được

nhập vào Trung Quốc. Nhưng từ năm 1833, nhất là từ năm 1844, số lượng bạc từ Trung Quốc xuất sang Ấn Độ đã mang những quy mô to lớn"<sup>(7)</sup>.

Đối với ngành tài chính tín dụng, giao thông vận tải, thông tin liên lạc đều có sự thay đổi. Đó là sự xuất hiện các tổ chức tiền tệ, tín dụng kiểu mới với kỹ thuật kinh doanh tiến bộ hơn, sự ra đời của Tổng cục điện báo và sự xuất hiện những cơ sở vật chất hiện đại của ngành giao thông, nhất là việc xây dựng hệ thống đường sắt (đến năm 1913, Trung Quốc đã có 9.618 km đường sắt được đưa vào sử dụng).

3. Như vậy, sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân vào Trung Quốc một mặt đã làm cho nền kinh tế tự cấp tự túc của Trung Quốc bắt đầu bị phá vỡ một cách rộng lớn, xúc tiến sự giải thể của cơ sở kinh tế phong kiến, tạo điều kiện cho chủ nghĩa thực dân bòn rút của cải ở Trung Quốc. Mặt khác, ngoài ý muốn của chủ nghĩa thực dân, việc du nhập theo phương thức "cưỡng ép" những cái mới đã đẩy sản xuất tư bản chủ nghĩa của Trung Quốc phát triển lên. "Tuy những nhân tố của chủ nghĩa tư bản dân tộc Trung Quốc đã có mầm mống từ lâu trong lòng xã hội phong kiến, nhưng sau khi bị những nước tư bản Âu Mỹ xâm nhập và bị những nước tư bản Âu Mỹ kích thích thì những nhân tố ấy mới bắt đầu nảy nở"<sup>(8)</sup>. Một thị trường từng bước đi theo hướng thống nhất, một nền kinh tế dân tộc mới dần hình thành. Kinh tế

phong kiến tuy vẫn chiếm ưu thế, nhưng hệ thống kinh tế nhiều thành phần đã dần dần thay cho hệ thống một thành phần truyền thống. Mặc dù chỉ có thể xem đây là giai đoạn chuyển tiếp, giai đoạn quá độ để chuyển đổi nền kinh tế, nhưng những chuyển biến nêu trên, đặt trong tiến trình phát triển của lịch sử, rõ ràng đã có tác dụng cận đại hóa Trung Quốc. Và đúng như nhận định của Mác: chủ nghĩa thực dân đã thực hiện hai sứ mệnh, "sứ mệnh phá hoại và sứ mệnh xây dựng - một mặt là phá hoại xã hội cũ của châu Á, mặt khác là đặt cơ sở vật chất cho xã hội phương Tây ở châu Á" (9).

(9) Nguyễn Văn Hồng (1972), *Lịch sử cận đại thế giới - Phần 2, Tập 1* (1870 - 1919), Nxb Tổng hợp, Hà Nội, tr. 97.

(6) *Lịch sử hiện đại Trung Quốc (1917 - 1927)* (1983), Nxb "Khoa học", Matxcova (bản dịch của Phan Văn Ban), tr. 7.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen (1981), *Tuyển tập, Tập 2*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 541.

(8) Mao Trạch Đông (1959), *Mâu thuẫn giai cấp giữa công nhân và tư sản dân tộc*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 85.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen (1981), *Tuyển tập, Tập 2*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 562.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hồng (1972), *Lịch sử cận đại thế giới - Phần 2, Tập 1* (1870 - 1919), Nxb Tổng hợp, Hà Nội.

2. *Lịch sử hiện đại Trung Quốc (1917 - 1927)* (1983), Nxb "Khoa học", Matxcova (bản dịch của Phan Văn Ban).

3. C.Mác và Ph.Ăngghen (1976), *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1981), *Tuyển tập, Tập 2*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

5. Mao Trạch Đông (1959), *Mâu thuẫn giai cấp giữa công nhân và tư sản dân tộc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

6. Nepômnin, *Lịch sử kinh tế Trung Quốc (1864 - 1895)*, (bản dịch lưu tại Thư viện Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội).

## CHÚ THÍCH

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen (1976), *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 49.

(2) *Lịch sử hiện đại Trung Quốc (1917 - 1927)* (1983), Nxb Khoa học, Matxcova (bản dịch của Phan Văn Ban), tr. 2.

(3) Nepômnin, *Lịch sử kinh tế Trung Quốc (1864-1895)*, (bản dịch lưu tại Thư viện Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH & NV, Hà Nội), tr. 308.

(4) *Lịch sử hiện đại Trung Quốc (1917 - 1927)* (1983), Nxb "Khoa học", Matxcova (bản dịch của Phan Văn Ban), tr. 6.